

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2021

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế A**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị H**

Ông **Phạm Ngọc D**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân A** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST–DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn, chị **Nguyễn Thị N**, Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện L, tỉnh L.

2. Bị đơn, anh **Trần Quang Đ**, Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh L.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt lần thứ 2, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Quang Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban,

huyện Lâm Hà vào ngày 23/5/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận hạnh phúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được, tuy nhiên đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất hòa, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều sự khác biệt bất đồng quan điểm, lối sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Không khí trong gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, anh Đ chơi bời không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù đã nhiều lần chị ngồi lại nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ tháng 02/2021 đến nay chị đã sống ly thân với anh Đ đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay chị xác định không thể chung sống với anh Đ được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Đ có 02 con chung là Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008, Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N xác định chị và anh Đ không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định chị và anh Đ không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Trần Quang Đ đều vắng mặt không có lý do và anh cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn khởi kiện chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Trần Quang Đ vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008, Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con chung. Về tài sản chung: Chị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh Đ không có nợ chung do đó không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trần Quang Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quang Đ theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quang Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà vào ngày 23/5/2008 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh Đ là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị N xác định từ đầu năm 2021, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn bất hòa, cãi nhau xô xát do vợ chồng có nhiều sự khác biệt, bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Đ không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy đã áp dụng nhiều biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021. Chị N xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được, còn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung*: Chị N xác định vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008; Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, các con chị vẫn do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Mỹ C, Trần Bảo N, hơn nữa các cháu đều có nguyện vọng sống với chị N.

Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tâm sinh lý cho trẻ; hiện nay các cháu đang học tập, vẫn phát triển bình thường hơn nữa các cháu Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008, Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012 đều có nguyện vọng ở với chị N; do vậy căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cần giao con chung là Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008, Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo

dục theo nguyện vọng của các con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình giải quyết vụ án chị N không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N xác không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quang Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 30/8/2008, Trần Bảo N, sinh ngày 11/12/2012 cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con chung. Anh Trần Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015767 ngày 06 tháng 5 năm

2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế A